

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 476/2023/DS-PT

Ngày 29-11-2023

“*V/v tranh chấp hui*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Bình

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “*hui*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 507/2023/QĐ - PT ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị E**, sinh năm 1958 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 00, tổ 11, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị Bé H** (Út), sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. *Người làm chứng:*

3.1/ Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.2/ Bà **Bùi Thị T**, sinh năm: 1958 (vắng mặt)

3.3 Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm: 1959 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh Phước, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Đỗ Thị Bé H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày và yêu cầu tại Đơn khởi kiện ngày 30/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà có tham gia 04 phần hội do bà Đỗ Thị Bé H làm chủ của mỗi dây hội cụ thể như sau:

- Dây hội 2.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở một lần, hội mở ngày 10/9/2021 (âm lịch), gồm 20 phần, bà tham gia 03 phần, trong đó: 02 phần do bà tham gia góp từ ban đầu và mua lại 01 phần hội của bà K. Đến ngày 10/02/2022 (âm lịch) bà đã lĩnh 01 phần hội (mua lại của bà K) với số tiền 30.000.000đồng (đã trừ tiền đầu thảo cho chủ hội), bà còn nợ lại bà Bé H số tiền hội chết là 12.000.000 đồng của phần hội này. Còn lại 02 phần hội chưa được lĩnh (hội sống), bà đã góp được 26 lần (mỗi phần góp được 13 lần) với số tiền nếu được lĩnh là 52.000.000 đồng.

- Dây hội 2.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở một lần, hội mở ngày 20/5/2022 (âm lịch), gồm 22 phần, bà tham gia 01 phần, đã góp được 05 lần với số tiền 7.500.000đồng, sau đó thì bà Bé H không cho bà góp nữa. Như vậy, trong dây hội này, bà Bé H còn nợ lại bà số tiền là 10.000.000đồng (trong đó: 7.500.000 đồng tiền thực góp và 2.500.000đồng là tiền lãi).

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bé H phải trả lại số tiền cụ thể được tính như sau:

Tổng số tiền hội bà được lĩnh của 02 dây hội nhưng bà Bé H chưa giao là: 52.000.000đồng + 10.000.000đồng) = 62.000.000 đồng. Trừ số tiền hội chết bà còn nợ 12.000.000 đồng nên bà Bé H còn phải trả cho bà số tiền là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà chỉ yêu cầu bà Bé H phải trả số tiền thực góp 02 phần hội trong dây hội mở ngày 10/9/2021 (âm lịch): 19.500.000đồng/phần x 2 phần = 39.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền bà Bé H phải trả cho bà sẽ là: (39.000.000 đồng + 10.000.000đồng) – 12.000.000đồng = 37.000.000đồng.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Bé H trình bày:

Bà Lê Thị E có tham gia các dây hội do bà làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội 2.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở một lần, hội mở vào ngày 10/9/2021 (âm lịch), có 20 phần, bà E tham gia 03 phần:

Phần thứ nhất, bà E đã góp được 13 lần, với số tiền thực góp là 19.500.000đồng, hiện tại bà E chưa lĩnh phần hui này.

Phần thứ hai, bà E góp được 08 lần. Trong phần hui này, bà E đã lĩnh với số tiền 29.500.000đồng, hiện bà E còn nợ lại 07 lần chưa góp (hui chết) tương ứng số tiền 14.000.000đồng.

Phần thứ ba, bà E mua lại hui của bà K đang tham gia và bà E đã lĩnh số tiền 30.000.000đồng, hiện còn nợ hui chết chưa góp 12.000.000đồng.

- Dây hui 2.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở một lần, hui mở vào ngày 20/5/2022 (âm lịch), có 22 phần, bà E tham gia 01 phần. Dây hui này, bà E có góp cho bà được 05 lần với số tiền 7.500.000đồng. Do bà E không góp hui đúng theo kỳ góp nên bà không cho bà E tiếp tục tham gia.

Do tin tưởng nhau nên giữa bà và bà Bé H không làm giấy tờ khi giao nhận tiền hui. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà chỉ đồng ý trả cho bà E số tiền được tính, cụ thể như sau:

Tiền hui bà E đã góp và được lĩnh: 10.000.000đồng (phần hui mở ngày 20/5/2022 âm lịch, trong đó: 7.500.000đồng thực góp và 2.500.000đồng tiền lãi); 19.500.000đồng (phần hui thứ nhất nằm trong dây hui mở ngày 10/9/2021 âm lịch, bà E đã góp được 13 lần). Tổng cộng: 29.500.000 đồng.

Tiền hui chết bà E còn nợ chưa góp đủ: 14.000.000 đồng (phần hui thứ 2 của dây hui mở vào ngày 10/9/2021 âm lịch) và 12.000.000 đồng (phần hui thứ 3, bà E mua lại của bà K). Tổng cộng: 26.000.000 đồng. Cấn trừ tiền nợ hui chết bà E chưa góp nên bà chỉ đồng ý trả cho bà E 3.500.000 đồng (29.500.000 đồng - 26.000.000 đồng).

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H1, Bùi Thị T và Nguyễn Thị K trình bày:

Các bà không chứng kiến việc giao nhận tiền hui giữa nguyên đơn, bị đơn mà chỉ nghe bà Bé H kể lại là đã giao tiền hui cho bà E. Nay do bận công việc gia đình nên các bà đề nghị xét xử vụ án vắng mặt.

Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ đưa ra xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS -ST ngày 10 tháng 8 năm 2023, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Đỗ Thị Bé H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị E số tiền nợ hui 29.500.000đồng (hai mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả cho nguyên đơn số tiền trên thì bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 23/8/2023, bị đơn bà Đỗ Thị Bé H kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đồng ý chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ hui 3.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và giải quyết đúng quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền nợ hui nhưng bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Quan hệ pháp luật được xác định là “*tranh chấp hui*”, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Bà Lê Thị E có tham gia các dây hui do bà Đỗ Thị Bé H làm chủ. Trong đó, có các phần hui bà E đã lĩnh nhưng chưa góp đủ tiền hui (hui chết) và các phần hui bà E đã góp nhưng chưa được lĩnh (hui sống). Giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được việc cản trở tiền hui để xác định nghĩa vụ nên phát sinh tranh chấp. Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với dây hụi 2.000.000 đồng/phần, mở ngày 10/9/2021 (âm lịch), gồm 20 phần, bà E tham gia 03 phần, trong đó: 02 phần do bà E tham gia góp từ ban đầu và 01 phần mua lại hụi của bà K, diễn biến như sau:

Ngày 10/02/2022 (âm lịch), nguyên đơn đã hót 01 phần (phần hụi mua lại của bà K) với số tiền 30.000.000đồng (đã trừ tiền đầu thảo cho chủ hụi). Các bên thống nhất, nguyên đơn còn nợ lại bị đơn số tiền hụi chết của phần hụi này là 12.000.000 đồng. Trong 02 phần hụi còn lại, các bên trình bày thống nhất, có 01 phần hụi nguyên đơn đã góp được 13 lần với số tiền thực góp là 19.500.000 đồng.

Riêng phần hụi còn lại trong dây hụi nêu trên, các đương sự trình bày không thống nhất, cụ thể: nguyên đơn cho rằng, mình đã góp được 13 lần với số tiền thực góp là 19.500.000 đồng, còn bị đơn thì khai: nguyên đơn chỉ góp được 08 lần. Đồng thời, trong phần hụi này, nguyên đơn đã lĩnh với số tiền 29.500.000đồng, hiện nguyên đơn còn nợ lại 07 lần hụi chết chưa góp tương ứng với số tiền 14.000.000đồng, còn nguyên đơn thì phủ nhận và cho rằng, mình chưa được lĩnh hụi như bị đơn trình bày, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc góp hụi hay giao nhận tiền hụi giữa nguyên đơn và bị đơn không làm giấy tờ. Nguyên đơn cho rằng, mình đã góp được 13 lần đối với phần hụi như nêu trên nhưng bị đơn chỉ thừa nhận, bị đơn có góp được 08 lần. Phần chênh lệch của 05 lần góp hụi, các bên có lời khai không thống nhất thì nguyên đơn là bên phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh, nên xác định nguyên đơn chỉ góp được 08 lần trong phần hụi này như lời thừa nhận của phía bị đơn.

[2.2] Bị đơn cho rằng, nguyên đơn đã nhận số tiền hụi 29.500.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo cho chủ hụi) khi đã góp được 08 lần nên còn nợ lại tiền hụi chết chưa góp là 14.000.000đồng. Còn nguyên đơn thì phủ nhận, mình chưa nhận được tiền hụi của phần hụi này. Phía bị đơn cũng không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh cho việc giao tiền hụi cho nguyên đơn như trình bày. Lời khai của những người làm chứng thể hiện trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị H1, bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị K đều không ai chứng kiến việc giao nhận tiền hụi giữa nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 cũng xác nhận, bà không trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền hụi giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, không có cơ sở xác định bị đơn đã giao tiền hụi cho nguyên đơn 29.500.000 đồng như bị đơn trình bày. Và như vậy, trong phần hụi này, nguyên đơn đã góp được 08 lần với số tiền thực góp là 12.000.000 đồng như lời thừa nhận của bị đơn và

nguyên đơn chưa được lĩnh phần hối này là có căn cứ. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đối với dây hối này, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền được tính: $(19.500.000 \text{ đồng} + 12.000.000 \text{ đồng}) - 12.000.000 \text{ đồng} = 19.500.000 \text{ đồng}$.

[3] Đối với dây hối 2.000.000 đồng/phần, mở ngày 22/5/2022 (âm lịch), gồm 22 phần, bà E tham gia 01 phần:

Dây hối này, các đương sự trình bày thống nhất, nguyên đơn có góp cho bị đơn được 05 lần với số tiền thực góp là 7.500.000 đồng và tiền lãi 2.500.000 đồng, tổng cộng 10.000.000 đồng và bị đơn cũng đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Như vậy, qua 02 dây hối bà E tham gia như nêu trên, sau khi cân trù, bị đơn còn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 29.500.000 đồng $(19.500.000 \text{ đồng} + 10.000.000 \text{ đồng})$ như án sơ thẩm quyết định là phù hợp. Bị đơn kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 3.500.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận nên phải chịu tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “*về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Điều 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị E về việc tranh chấp nợ hối với bị đơn bà Đỗ Thị Bé H.

Buộc bà Đỗ Thị Bé H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị E số tiền nợ hối 29.500.000 đồng (*hai mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*). Phần nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nhưng không được chấp nhận là 7.500.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả cho nguyên đơn số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đỗ Thị Bé H phải nộp số tiền 1.475.000đ (một triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Miễn tiền án phí cho bà Lê Thị E do là người cao tuổi.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng. Cấn trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004062 ngày 24/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ vào tiền án phí nên bà Bé H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Chi Cục THADS Q. Thốt Nốt;
- TAND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Bảo Anh